TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6
Thành phố Hồ Chí Minh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 186/2017/DS -ST
Ngày: 27/7/2017
V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhàn
Các Hội thẩm nhân dân:
1.Bà Nguyễn Thị Kim Loan
2. Bà Phạm Thị Kim Hoàng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Mỹ Qúi – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6- Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Dịu Thùy – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 225/2016/TLST- DS ngày 18 tháng 7 năm 2016 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 234/2017/QĐXXST - DS ngày 30 tháng 5 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 193/2017/QĐST - DS ngày 30 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tống Thị Thu L, sinh năm: 1972
Địa chỉ: 159/3 TVĐ, Phường K, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. Bị đơn:
2.1 Ông Dương Minh P, sinh năm: 1965
Địa chỉ: 958 HG, Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)
2.2 Bà Vương Thị Bích Loan A, sinh năm: 1969
Địa chỉ: 958 HG, Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh
Hiện đang chấp hành án tại phân trại số 3 trại giam Thủ Đức (có đơn xin vắng mặt)

3. Người có quyền lợi – nghĩa vụ liên quan:
Ông Lưu Văn B, sinh năm: 1971
Địa chỉ: 110E LTB, phường AL, quận BT, TP. Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/7/2016, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, Nguyên đơn bà Tống Thị Thu L trình bày: Vào ngày 04/11/2013 bà có cho vợ chồng ông Dương Minh P và bà Vương Thị Bích Loan A vay

số tiền 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay là: 0,8%/ tháng. Hợp đồng vay tiền có công chứng tại Phòng Công chứng số 2 Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi ký xong hợp đồng vay tiền bà đã giao đủ số tiền 200.000.000 đồng cho ông P và bà A. Đồng thời, cũng trong ngày 04/11/2013 thì ông P và bà A có cố cho bà phần trước căn nhà 958 HG, Phường L, Quận F thuộc quyền sở hữu của ông P, bà A. Thời hạn cố nhà là 24 tháng kể từ ngày 04/11/2013 đến ngày 04/11/2015 (mục đích là để đảm bảo cho khoản vay 200.000.000 đồng) hai bên có làm giấy tay cố nhà với nhau. Sau đó thì bà có cho ông Lưu Văn B thuê lại phần phía trước căn nhà 958 HG, Phường L, Quận F để ông B kinh doanh nước giải khát cũng với thời hạn thuê là 24 tháng, giá thuê là 6.000.000đ/ tháng. Ông B chỉ trả cho bà được 03 (ba) tháng tiền thuê nhà. Đến tháng thứ tư khi bà đến lấy tiền thuê nhà thì ông B đã dọn đi không còn buôn bán tại phần trước căn nhà 958 HG, Phường L, Quận F nữa và ông B cũng không thông báo cho bà biết. Phần trước căn nhà 958 HG thì gia đình bà Vương Thị Bích Loan A đã lấy lại.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay tiền thì ông P và bà A đã không trả tiền lãi cho bà theo đúng thỏa thuận. Đến hạn thanh toán tiền vốn vay thì vợ chồng ông P và bà A cũng không trả tiền vốn vay cho bà. Nay bà yêu cầu vợ chồng ông P và bà A phải trả cho bà số tiền vốn vay là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn theo quy định của pháp luật. Bà không có tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với hợp đồng cố nhà ngày 04/11/2013 giữa bà và vợ chồng ông P, bà A vì phần trước căn nhà này thì ông P và bà A cũng đã lấy lại và cũng không có tranh chấp hợp đồng thuê nhà ngày 04/11/2013 giữa bà và ông Lưu Văn B.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/01/2017 bị đơn bà Vương Thị Bích Loan A trình bày: bà và ông Dương Minh P là vợ chồng, bà và ông P có ký hợp đồng vay tiền của bà L với số tiền là 200.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất là 0,8%/tháng. Bà đã trả cho bà L được 06 tháng tiền lãi, khi trả lãi thì các bên không lập biên nhận gì. Bà và ông P chưa trả được phần nợ gốc nào. Khi ký kết hợp đồng vay tiền bà và ông P không giao cho bà L bất kỳ giấy tờ về quyền sở hữu tài sản nào. Vì thiếu vốn cho việc làm ăn nên bà phải ký hợp đồng cầm cố phần trước căn nhà 958 HG, phường L, Quận F cho bà L, căn nhà này thuộc quyền sở hữu của vợ chồng bà nhưng vợ chồng bà đã bán căn nhà này để trả nợ cho ngân hàng. Nay bà đang thi hành án tại trại giam Thủ Đức không thể trả nợ được bà đề nghị Tòa án liên hệ với chồng bà là ông P để thực hiện việc trả nợ, thời gian bao lâu thì bà không xác định được.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 01/3/2017 Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Lưu Văn B trình bày: Trước đây ông P và bà A có thuê ông để đi giao bia, nước ngọt. Căn nhà 958 HG, Phường L, Quận F là của ông P, bà A. Mặt bằng phía trước căn nhà 958 HG ông P và bà A kinh doanh nước giải khát, ông không phải là người kinh doanh nước giải khát. Ông hoàn toàn không biết bà Tống Thị Thu L là ai và ông cũng không có ký hợp đồng thuê mặt bằng gì với bà L để kinh doanh nước giải khát. Ông không còn làm công cho ông P và bà A được 01 (một) năm trước khi bà A bị bắt giam.

Bị đơn ông Dương Minh P vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được lời khai của ông P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Bị đơn và người

có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia giải quyết vụ án. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Ngày 04/11/2013 bà L có cho vợ chồng ông P và bà Loan A vay số tiền là 200.000.000 đồng, lãi suất là 0,8%/ tháng, thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng vay tiền. Hợp đồng vay tiền được Phòng công chứng số 2 Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận. Bị đơn bà Vương Thị Bích Loan A cũng thừa nhận vợ chồng bà chưa thanh toán số tiền vốn vay là 200.000.000 đồng cho bà L. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử, buộc bà Vương Thị Bích Loan A và ông Dương Minh P chịu trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà L số tiền vốn vay là 200.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] **Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:**

Bà Tống Thị Thu L khởi kiện yêu cầu ông Dương Minh P và bà Vương Thị Bích Loan A phải trả cho bà số tiền vốn vay, tiền lãi theo hợp đồng vay tiền ngày 04/11/2013 đã được Phòng Công chứng số 2 Thành phố Hồ Chí Minh công chứng. Như vậy, đây là tranh chấp về dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6.

Bị đơn ông Dương Minh P đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ để tham gia tự khai; tham gia phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng ông P đều vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Phú.

Bị đơn bà Vương Thị Bích Loan A, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lưu Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] **Xét hợp đồng vay tiền ngày 04/11/2013**:

[2.1] Về tiền vốn vay: Căn cứ vào hợp đồng vay tiền số: 030596, quyển số 11 do Phòng công chứng số 2 Thành phố Hồ Chí Minh công chứng ngày 04/11/2013 thể hiện bà Tống Thị Thu L có cho ông Dương Minh P và bà Vương Thị Bích Loan A vay số tiền là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng), thời hạn vay là 24 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Bà Vương Thị Bích Loan A thừa nhận bà và ông P chưa trả được phần nợ gốc cho bà L. Do vậy, nay bà Tống Thị Thu L khởi kiện yêu cầu ông P và bà A phải trả cho bà số tiền vốn vay còn thiếu là 200.000.000đ (Hai trăm triệu đồng) là hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận.

[2.2] Về tiền lãi: theo như thỏa thuận trong hợp đồng vay tiền ngày 04/11/2013 mà hai bên đã ký kết thì lãi suất thỏa thuận là 0,8%/ tháng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự 2005 thì " Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng". Như vậy, lãi suất mà bà L, ông P và bà A thỏa thuận trong hợp đồng vay tiền là 0,8% tháng, mức lãi suất này không vượt quá quy định của pháp luật nên được công nhận.

Theo bà L trình bày thì ông P và bà A chưa thanh toán cho bà được tháng tiền lãi nào. Bà Loan A thì trình bày bà có trả cho bà L được 06 tháng tiền lãi nhưng không có làm biên nhận về việc trả lãi. Do nguyên đơn không thừa nhận việc bị đơn đã trả lãi còn bị đơn không đưa ra được chứng cứ chứng minh việc đã trả lãi nên Hội đồng xét xử không có cơ sở cho rằng bị đơn đã trả cho nguyên đơn được 06 tháng tiền lãi. Nay

nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi trong hạn và lãi quá hạn là hoàn toàn có cơ sở để chấp nhận:

Về tiền lãi trong hạn bà A và ông P phải trả cho bà L là:

200.000.000đ x 0,8%/ tháng x 24 tháng = 38.400.000đ (Ba mươi tám triệu bốn trăm ngàn đồng) (1)

Về tiền lãi quá hạn: theo quy định tại khoản 5 Điều 474 Bộ luật dân sự 2005 quy định " Trong trường hợp vay có lãi mà đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi trên nợ gốc và lãi nợ quá hạn theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ". Theo quyết định số 2868/QĐ -NHNN ngày 29/11/2010 thì lãi suất cơ bản hiện nay vẫn là 9%/ năm tương đương 0,75%/ tháng.

Số tiền lãi nợ quá hạn mà ông P và bà A phải trả cho bà L từ ngày 05/11/2015 đến ngày 27/7/2017 (ngày xét xử sơ thẩm là): 20 tháng 22 ngày tương đương: 20,73 tháng là:

200.000.000đ x 0,75% x 20,73 tháng = 31.095.000đ (Ba mươi mốt triệu không trăm chín mươi lăm ngàn đồng) (2).

Như vậy, tổng cộng tiền vốn, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn mà ông P và bà A phải trả cho bà L là:

200.000.000đ + 38.400.000đ + 31.095.000đ = 269.495.000đ (Hai trăm sáu mươi chín triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn đồng)

[2.3] Về thời hạn thanh toán: Bà A trình bày hiện nay bà đang chấp hành án tại trại giam nên không trả nợ được, còn ông P thì vắng mặt nên Tòa không ghi nhận được ý kiến của ông P. Nguyên đơn bà L yêu cầu ông P và bà A phải thanh toán ngay số tiền vốn và lãi làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử buộc bà Vương Thị Bích Loan A và ông Dương Minh P liên đới trả cho bà Tống Thị Thu L số tiền vốn và lãi là: 269.495.000đ (Hai trăm sáu mươi chín triệu bốn trăm chín mươi lăm ngàn đồng) làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Đối với hợp đồng cố nhà ngày 04/11/2013 giữa bà L với ông P, bà A và hợp đồng thuê nhà ngày 04/11/2013 giữa bà L với ông B thì do các đương sự không có ai tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4] **Về án phí**: bà Vương Thị Bích Loan A và ông Dương Minh P phải liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm là: 269.495.000đ x 5% = 13.474.750đ (Mười ba triệu bốn trăm bảy mươi bốn ngàn bảy trăm năm mươi đồng)

Bà Tống Thị Thu L không phải nộp án phí

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Điều 26 Luật thi hành án dân sự

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1/ Buộc ông Dương Minh P và bà Vương Thị Bích Loan A liên đới trả cho bà Tống Thị Thu L số tiền vốn và lãi là: 269.495.000đ (Hai trăm sáu mươi chín triệu bốn

trăm chín mươi lăm ngàn đồng) theo hợp đồng vay tiền số: 030596, quyển số 11 do Phòng công chứng số 2 Thành phố Hồ Chí Minh công chứng ngày 04/11/2013.

Thời hạn thanh toán: Thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật

Kể từ ngày bà Tống Thị Thu L có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Dương Minh P và bà Vương Thị Bích Loan A không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản tiền nêu trên thì ông P và bà A còn phải trả cho bà L khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Vương Thị Bích Loan A và ông Dương Minh P phải nộp án phí là: 13.474.750đ (Mười ba triệu bốn trăm bảy mươi bốn ngàn bảy trăm năm mươi đồng)

- Bà Tống Thị Thu L không phải nộp án phí, trả lại cho bà Tống Thị Thu L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 5.000.000đ (Năm triệu đồng) theo biên lai thu số 0003554 ngày 18/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án

- Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4/ Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Nhàn